

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Ngày 19/5/2020, Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị tại Văn bản số 699/SNN-TTBVTV ngày 14/5/2020 (*bổ sung bản chụp ý kiến góp ý*), sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

#### **I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH VĂN BẢN**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;
- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;
- Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;
- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Chương trình số 02/CTr-UBND ngày 08/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Chương trình công tác chủ yếu năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- Một số văn bản, tài liệu khác có liên quan.

#### **II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH (Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với các quy định trong văn bản đã giao quy định chi tiết)**

##### **1. Sự cần thiết ban hành văn bản**

Điểm b khoản 3 Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP quy định:

*“... b) Ngân sách địa phương hỗ trợ các dự án thuộc nhiệm vụ chi của địa phương và do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được ủy quyền phê duyệt và hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình, nhóm hộ sản xuất sản phẩm hữu cơ tại địa phương theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này<sup>1</sup>. Trường hợp cần thiết, tùy theo điều kiện thực tế, trên cơ sở*

---

<sup>1</sup> Điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP quy định: *“b) Hỗ trợ một lần 100% chi phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ do Tổ chức chứng nhận cấp (cấp lần đầu hoặc cấp lại)”*.

*cân đối nguồn lực tài chính của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định ban hành chính sách hỗ trợ bổ sung ngoài các chính sách quy định tại Nghị định này”.*

Căn cứ quy định nêu trên, để khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ, đảm bảo sản xuất sản phẩm nông nghiệp sạch, hợp vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh thì việc tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, ngoài các chính sách đã được quy định tại Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP là cần thiết.

## **2. Dự thảo Nghị quyết**

**2.1. Điều 2** ( Điều kiện và nguyên tắc hỗ trợ), Khoản 1 quy định quy mô, sản phẩm được hỗ trợ theo đơn vị tính là “*ha/ cơ sở hoặc con/ cơ sở*” là chưa phù hợp với Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP là tính theo “*dự án*”, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa.

### **2.2. Điều 3** (Nội dung hỗ trợ), quy định:

*“1. Hỗ trợ một lần chi phí thực tế xác định khu vực đủ điều kiện về chăn nuôi và thủy sản hữu cơ: mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/cơ sở.*

*2. Hỗ trợ một lần chi phí tư vấn chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn về nông nghiệp hữu cơ do tổ chức chứng nhận cấp (cấp lần đầu hoặc cấp lại): mức hỗ trợ tối đa không quá 150 triệu đồng/cơ sở đối với tư vấn chứng nhận do tổ chức trong nước cấp và không quá 300 triệu đồng/cơ sở đối với tư vấn chứng nhận do tổ chức quốc tế cấp.*

*3. Hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất hữu cơ: mức hỗ trợ thực hiện theo quy định của Chính phủ về khuyến nông.*

*4. Hỗ trợ 70% chi phí vật tư đầu vào cho sản xuất hữu cơ: chi phí giống kháng sâu bệnh, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, chế phẩm sinh học đối với sản xuất trồng trọt; chi phí giống, thức ăn hữu cơ, thuốc thú y được phép sử dụng đối với sản xuất chăn nuôi và thủy sản; mức hỗ trợ tối đa không quá 400 triệu đồng/cơ sở.*

*5. Hỗ trợ 80% lãi suất vốn vay đầu tư để thực hiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ gắn với tiêu thụ sản phẩm: mức vay theo dư nợ thực tế của hợp đồng vay vốn giữa cơ sở với ngân hàng nhưng không quá 5,0 tỷ đồng/cơ sở; thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn nhưng tối đa không quá 48 tháng.*

### **6. Hỗ trợ xúc tiến thương mại**

*a) Hỗ trợ một lần chi phí thực tế xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hữu cơ; đăng ký nhãn hiệu hàng hóa; in bao bì, tem, nhãn sản phẩm hữu cơ: mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/cơ sở.*

b) Hỗ trợ một lần chi phí thực tế thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, bán hàng và giới thiệu sản phẩm hữu cơ trong và ngoài tỉnh: mức hỗ trợ tối đa không qua 50 triệu đồng/cơ sở”.

04 chính sách tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định trùng với các chính sách đã được quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP<sup>2</sup> và có bổ sung quy định về giới hạn “quy mô” và giới hạn “số tiền” hỗ trợ, quy định này tạo ra sự chưa hợp lý, thiếu bình đẳng giữa các dự án sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, giảm hiệu quả, hấp dẫn của chính sách thu hút. Theo điểm b khoản 3 Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP<sup>3</sup> thì HĐND tỉnh chỉ được phân cấp ban hành chính sách hỗ trợ bổ sung ngoài các chính sách quy định tại Nghị định này nên 04 chính sách nêu trên là không phù hợp với thẩm quyền được phân cấp, không phù hợp với khoản 1 Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP, vì vậy đề nghị bỏ.

**2.3. Vấn đề khác:** Khoản 5, khoản 6 Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư, hỗ trợ xúc tiến thương mại nhưng dự thảo Nghị quyết chưa quy định trình tự, thủ tục thực hiện, vì vậy đề nghị nghiên cứu, bổ sung.

### **3. Về thể thức, kỹ thuật soạn thảo**

Đề nghị rà soát chỉnh sửa thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo văn bản theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

### **III. KẾT LUẬN**

Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến thẩm định nêu tại Phần II Báo cáo thẩm định này, sau khi hoàn chỉnh, dự thảo văn bản đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Giám đốc Sở;
- Trang TTĐT STP;
- Luru VT, XDKTTHPL&PBGDPL.  
Loan.2b.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Thược**

---

<sup>2</sup> Cụ thể: Chính sách tại khoản 1 trùng với chính sách tại điểm a khoản 1 Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP; chính sách tại khoản 2 trùng với chính sách tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP; chính sách tại khoản 3 trùng với chính sách tại điểm c, một số chính sách tại điểm d khoản 1 Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP; chính sách tại khoản 4 trùng với chính sách tại điểm d khoản 1 Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP.

<sup>3</sup> Điểm b khoản 3 Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP quy định: “... Trường hợp cần thiết, tùy theo điều kiện thực tế, trên cơ sở cân đối nguồn lực tài chính của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định ban hành chính sách hỗ trợ bổ sung ngoài các chính sách quy định tại Nghị định này”.

